

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Tuấn

Ông Hoàng Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thanh Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 51/2019/TLPT-HS ngày 02/5/2019, đối với bị cáo Vũ Thị H do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST, ngày 22/03/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị cáo bị kháng cáo: **Vũ Thị H**, Nơi cư trú: Khu 7, phường P H, thị xã Q Y, tỉnh Q N; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị B; có chồng là Lê Văn H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị V T A, Nơi cư trú: thị xã Q Y, tỉnh Q N, có mặt tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn Th
- Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV B Đ G, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

Những người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị H; Anh Vũ Đình T;- Bà Nguyễn Thị D, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 15 phút, ngày 26-03-2016, tại khu 7, phường P H, thị xã Q Y, tỉnh Q N, Vũ Thị H đi từ khu Cống Càng, phường P H, thị xã Q Y, tỉnh Q N về nhà, khi đi đến cửa nhà thì nhìn thấy chị V T A đang ngồi mua rau tại cửa hàng của chị Nguyễn Thị H1 ở ven đường, gần đối diện với cửa nhà H, do bức tức việc trước đó chị A nói không đúng sự thật về H (nói H rủ trai về nhà ngủ), H đã đi vào nhà vệ sinh để vệ sinh và lấy phân của mình cho vào 01 túi nilon, sau đó cầm túi nilon đựng phân đến chỗ chị A ngồi (cách nhà của H khoảng hơn 35m). H nói với chị H1: *“Bán cho cháu 20.000 đồng tiền hà”*. Khi chị H1 đang cúi xuống múc, cân hà để bán cho H, lúc này chị A vẫn đang ngồi mua rau, thì H đứng phía sau chị A dùng tay phải cầm túi nilon đưa ngang từ phải sang trái bôi phân vào mặt chị A và nói *“Mày nói xấu chia rẽ vợ chồng tao, tao cho mày ăn cứt”*. Chị A kêu lên và đuổi theo H, nhặt đá dăm nhỏ rải đường ném về phía H nhưng không gây thiệt hại gì. Sau đó, chị A đi trình báo Công an.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Vũ Thị H thừa nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo dùng phân bôi lên mặt chị A là do trước đó khoảng tháng 2, tháng 03 - 2015, con trai bị cáo có đổ nước ra sân chảy ra mặt đường cạnh nhà chị A, chị A sang chửi bị cáo và hai bên có xảy ra xô sát. Từ đó, chị A sang hàng xóm nói những điều không đúng sự thật về bị cáo (nói bị cáo rủ trai vào nhà ngủ) khiến tình cảm vợ chồng bị cáo bị rạn nứt. Bị cáo đã nói chuyện với anh Vũ Đình T (chồng chị A), anh T đã động viên và bảo sẽ về nói chuyện với chị A. Đến khoảng tháng 02 - 2016 (âm lịch), chị A lại ra chợ Cốc cũ gặp mẹ chồng của bị cáo (bà Nguyễn Thị D) và nói bị cáo rủ trai vào nhà ngủ, sau đó chị A còn đi dọc đường nói với những người khác nữa về sự việc trên nên đã khiến mẹ chồng của bị cáo nghi ngờ, xuống nhà bị cáo chửi mắng, đuổi bị cáo ra khỏi nhà, làm rạn nứt tình cảm vợ chồng bị cáo. Bị cáo đã trực tiếp sang nhà gọi chị A ra để nói chuyện, nhưng chị A không ra mà đứng trong nhà nói bị cáo ngủ với trai. Do đó, bị cáo mới bức xúc có hành vi làm nhục chị A như đã nêu ở trên, mục đích để chị A không còn dám vu oan cho bị cáo nữa. Bị cáo thực hiện hành vi một mình, không có ai tham gia cùng.

Người bị hại là chị V T A khai: Giữa chị và bị cáo H ở sát cạnh nhà nhau có xích mích, mâu thuẫn, cãi nhau từ trước. Sáng ngày 23-03-2018, tại chợ Cốc, mẹ chồng bị cáo (bà D) nói chị quan hệ với ông già, sau đó chị có nói lại *“Bà già phải nói đúng, con bà thì ngủ với trai thì ai bảo sao, bà lại nói tôi ngủ với trai”*. Đến buổi chiều cùng ngày, H cùng em gái (chị L) và chị chồng (Lê Thị H) đến nhà chị chửi

và dọa đánh chị. Chiều ngày 26/03/2016, khi chị đang mua rau của chị Nguyễn Thị H1 ở ven đường thì H bất ngờ dùng tay trái túm tóc chị giật chị ngã ngửa ra sau, tay phải H cầm túi nilon chứa phân bôi lên mặt chị. Sau khi chị hô hoán thì hàng xóm mới chạy ra xem, lúc đó H đã chạy về nhà. Chị có nhặt đá mặt ven đường ném bị cáo nhưng không trúng. Có lúc chị khai H một mình thực hiện hành vi làm nhục chị, nhưng có lúc chị lại khai chị Vũ Thị L (em gái H) tham gia cùng H làm nhục chị. Sau khi sự việc xảy ra, chị cảm thấy xấu hổ, nhục nhã không dám đi đâu. Chị yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 100.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm những người làm chứng Nguyễn Thị H1, Vũ Thị G, Vũ Đình T, Nguyễn Thị D, Vũ Thị N, Vũ Thị H2, Lê Văn H có lời khai cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo và bị hại:

Với nội dung trên, Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 22/03/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 155; khoản 3 Điều 7; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 36 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội;

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị H phạm tội "**Làm nhục người khác**"

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị H 9 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Vũ Thị H phải bồi thường cho chị V T A số tiền là 9.730.000 đồng (*Chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Nhưng được trừ đi số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) bị cáo H đã nộp, bị cáo H còn phải bồi thường tiếp cho chị A số tiền còn thiếu là 4.730.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*).

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/4/2019, bị hại V T A nộp đơn kháng cáo sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Q Y, đề nghị tăng nặng hình phạt là 30 tháng cải tạo không giam giữ và tăng bồi thường là 28.400.000đ với các lý do sau:

Về lỗi và hình phạt: Người bị hại không có lỗi, bản án sơ thẩm nhận định bị hại có một phần lỗi là không đúng. Ngoài ra, trong các giai đoạn điều tra, truy tố xét xử bị cáo không thành khẩn khai báo nên bản án sơ thẩm áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51, Bộ luật

hành sự là thiếu khách quan, không có căn cứ. Cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội vì động cơ đê hèn theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Vũ Thị H; tăng mức hình phạt buộc bị cáo Vũ Thị H phải chịu mức án là 30 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị cấp phúc thẩm tăng mức bồi thường thiệt hại, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần cho bị hại 13.900.000đ; tiền thu nhập thực tế bị giảm sút của bị hại 15.000.000đ, tổng cộng là 28.900.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị hại V T A có mặt tại phiên tòa, giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị hội đồng xét xử tăng mức hình phạt đối với bị cáo là 30 tháng cải tạo không giam giữ; buộc bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần và tiền thu nhập thực tế bị giảm sút của bị hại với tổng số tiền là 28.900.000đ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quan điểm: Bà D không trực tiếp chứng kiến vụ việc phạm tội giữa chị H với chị A, do đó tòa án cấp sơ thẩm xác định bà là người làm chứng là không đúng. Về nội dung vụ án luật sư và bị hại cho rằng bị hại không có lỗi, bị cáo khai báo thiếu thành khẩn và phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội vì động cơ đê hèn” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Mặt khác, do hành vi phạm tội của bị cáo nên bị hại đã bị giảm sút một phần thu nhập. Do đó, Đề nghị hội đồng xét xử xem chấp nhận toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của bị hại V T A.

Bị cáo Vũ Thị H có mặt tại phiên tòa không chấp nhận yêu cầu của bị hại vì do bị hại có lỗi nói sai sự thật, xúc phạm bị cáo nên bị cáo mới có hành vi phạm tội. Bị cáo đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

Người làm chứng bà Lê Thị D có mặt tại phiên tòa có lời khai: việc chị A nói xấu bị cáo dẫn đến mọi người hiểu lầm bị cáo H là có thật. Trước khi chị H phạm tội, chị A đã chửi bà và nói con dâu bà có quan hệ bất chính với người khác ở khắp chợ, không chỉ bà mà còn nhiều người nghe thấy. Do nghe chị A nói như vậy, bà đã bức xúc, hiểu lầm con dâu và đã xuống nhà nói chuyện với con trai bà (chồng bị cáo H), sau đó bà đã đuổi con dâu ra khỏi nhà. Chồng chị H nghe câu chuyện, cũng đã hiểu lầm mối quan hệ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, không về nhà nữa mà đòi ly hôn với bị cáo.

Người làm chứng Nguyễn Thị H1 có mặt tại phiên tòa cũng khẳng định: chị không biết ai là người nói ra thông tin nhưng việc chị H bị nhiều người nói có quan hệ bất chính là có thật, làm xôn xao cả khu. Sau khi nghe được thông tin, chị có gặp

H và khuyên H nên xem xét các mối quan hệ, không nên có quan hệ ngoại tình, thì H bảo không phải là người như vậy và có cho chị xem những tin nhắn của chị A vào máy của H với nội dung nói xấu chị H: đi lễ ngủ với trai và cặp bồ ở nhà nghỉ nào, thời gian cụ thể ra sao chị A đều biết.

Bị hại V T A không thừa nhận việc chị nói xấu và nhắn tin cho bị cáo, nhưng tại phiên tòa bị hại thừa nhận giữa bị hại và chị H cũng như những người làm chứng khác không có mâu thuẫn gì.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa: Không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại. Do bị hại có lỗi một phần nên việc án sơ thẩm áp dụng số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần tương đương với 07 tháng lương cơ sở là thỏa đáng. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại V T A, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên. Ngoài ra, căn cứ khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự thấy rằng, bản án sơ thẩm tuyên bị cáo phải chịu hình phạt cải tạo không giam giữ, nhưng không nêu quan điểm về việc khấu trừ thu nhập của bị cáo là thiếu sót. Đề nghị HĐXX nêu rõ quan điểm vào bản án hình sự phúc thẩm để đảm bảo vụ án được giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị hại V T A nộp trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với việc xác định người làm chứng: Căn cứ quy định tại Điều 66 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: “Người làm chứng là người biết được những tình tiết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án”. Trong vụ án nêu trên, bà D là một trong những người biết được nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa bị cáo và bị hại và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng xác định bà D là người làm chứng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật: Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện ngày 26/3/2016. Theo quy định của pháp luật hình sự: đối với hành vi thực hiện trước 00 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2018 cần phải áp dụng điều 121 Bộ luật hình sự năm 1999(sửa đổi bổ sung năm 2009) để truy tố, xét xử đối với bị cáo. Tuy nhiên, do Điều 155 Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi hơn khoản 1 Điều 121 Bộ luật hình sự 1999, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết

số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật hình sự 2015 để xét xử đối với bị cáo là phù hợp.

[3] Về nội dung: Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại chị V T A, và lời khai của những người làm chứng; phù hợp với Sơ đồ hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, Bản ảnh thực nghiệm điều tra và bản ảnh hiện trường vụ án đủ cơ sở để xác định:

Vào hồi 16 giờ 15 phút, ngày 26/03/2016, tại khu 7, phường P H, thị xã Q Y, tỉnh Q N, Vũ Thị H đã có hành vi công khai dùng phân của mình bôi lên mặt chị V T A, giữa nơi tập trung nhiều người dân quen thuộc trong khu vực qua lại mua bán thức ăn phục vụ cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trước sự chứng kiến của nhiều người khiến chị A cảm thấy xấu hổ, nhục nhã. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự của chị A được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự tại địa phương. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vũ Thị H về tội “*Làm nhục người khác*” theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của người bị hại, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

4.1 Về hình phạt và các tình tiết áp dụng:

- Về nguyên nhân phạm tội của bị cáo và xác định yếu tố lỗi:

Bị cáo H khai nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo dùng phân bôi lên mặt chị A là do bị hại nói với mẹ chồng bị cáo (bà Nguyễn Thị D) và với những người khác ở cùng nơi cư trú với bị cáo những lời lẽ không đúng sự thật (nói bị cáo có quan hệ trai gái bất chính với người đàn ông khác tại nhà bị cáo), khiến mẹ chồng bị cáo nghi ngờ chửi mắng, đuổi bị cáo ra khỏi nhà, làm rạn nứt tình cảm vợ chồng bị cáo nên bị cáo mới bức xúc có hành vi làm nhục bị hại. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã có đơn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q Y xem xét giải quyết đối với hành vi nói không đúng sự thật nêu trên của chị A. Nhưng chị A không thừa nhận và do hành vi của chị A không đủ yếu tố cấu thành tội “Vu khống”, nên tại Quyết định số 51 ngày 15-11-2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q Y đã Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi nêu trên của chị A. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của những người làm chứng là bà Nguyễn Thị D, chị Vũ Thị L, chị Nguyễn Thị H1, anh Lê Văn H, bà Vũ Thị N, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại A đã khẳng định giữa chị và những người làm chứng trên

không có mâu thuẫn gì, để xác định nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo có hành vi làm nhục bị hại có một phần lỗi của bị hại là có căn cứ.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Mặc dù quá trình điều tra, lời khai của bị cáo có lúc không thống nhất và còn mâu thuẫn nhau, nhưng biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện rõ: tại phần hỏi và phần tranh luận, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và rất ăn năn hối cải cũng như đã gửi lời xin lỗi tới bị hại. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nêu, nên tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” là đúng quy định của pháp luật hình sự.

- Xét kháng cáo của bị hại đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội vì động cơ đê hèn*”, quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H, Hội đồng xét xử xét thấy: nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo bức xúc có hành vi làm nhục bị hại là một phần do lỗi của bị hại trước đó đã có những lời lẽ không đúng sự thật, gây ảnh hưởng đến danh dự của bị cáo và làm ảnh hưởng tới mối quan hệ hôn nhân của bị cáo. Mục đích bị cáo dùng phân bôi lên mặt bị hại chỉ nhằm để bị hại không còn phát ngôn những điều xúc phạm đến danh dự của bị cáo nữa. Ngoài ra, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc bị cáo có hành vi làm nhục bị hại vì động cơ đê tiện, thấp hèn, ích kỷ, thể hiện sự bội bạc, phản trắc thì mới phải chịu tình tiết tăng nặng vì động cơ đê hèn.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 3 tình tiết quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên không thể áp dụng mức tối đa của hình phạt là 3 năm cải tạo không giam giữ. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng cải tạo không giam giữ, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Cấp sơ thẩm đã miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, nhưng không ghi lý do trong bản án là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

4.2 Về bồi thường trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền bồi thường về tổn thất tinh thần:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 592 Bộ luật dân sự:

“...Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân

phạm, uy tín bị xâm phạm không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định....”

Tuy nhiên, do việc bị cáo có hành vi làm nhục bị hại có một phần lỗi của bị hại A, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại, mức tối đa là 10 tháng lương cơ sở như yêu cầu của bị hại, mà buộc bị cáo H phải bồi thường cho bị hại một khoản tiền nhất định để bù đắp tổn thất về tinh thần cho chị A, tương đương với 07 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường, là phù hợp và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

- Đối với yêu cầu bồi thường tiền thu nhập bị mất, bị giám sát: chị A khai trước khi chị A bị bị cáo làm nhục, chị A đi chợ buôn cá ở thị xã Q Y với mức thu nhập 1.000.000 đồng/ngày; sau khi bị làm nhục chị A chuyển ra thành phố H L ở với con và vẫn đi buôn cá nhưng công việc nhỏ lẻ thu nhập bị giám sát, còn từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng/ngày, chị yêu cầu bị cáo bồi thường thu nhập bị giám sát trong 01 tháng là 15.000.000 đồng, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập thực tế của mình và số tiền thu nhập bị giám sát. Trong khi đó, anh Vũ Đình T (chồng chị A) khai, sau khi sự việc xảy ra, vì công việc nên vợ chồng anh vẫn đi chợ nhưng đi chợ ở địa bàn khác (ngoài thành phố H L) từ sáng sớm, nơi không có người biết việc. Do đó, Tòa sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của chị A, để buộc bị cáo phải bồi thường tiền thu nhập bị giám sát trong 01 tháng là 15.000.000 đồng, là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị A không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị hại V T A; Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

5] Về án phí: theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm e khoản 2 Điều 23; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị V T A được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại V T A .

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1 .Áp dụng: khoản 1 Điều 155; khoản 3 Điều 7; các điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 36 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội;

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị H 9 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ, về tội **“Làm nhục người khác”**.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Vũ Thị H cho Ủy ban nhân dân phường P H, thị xã Q Y, tỉnh Q N nơi bị cáo H cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường P H, thị xã Q Y, tỉnh Q N trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 586 và khoản 2 Điều 592 Bộ luật dân sự; Tiêu mục 3.3 mục 3 Phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng:

Bị cáo Vũ Thị H phải bồi thường cho chị V T A số tiền là 9.730.000 đồng (*Chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Nhưng được trừ đi số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) bị cáo H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000792 ngày 18 - 03 - 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q Y, tỉnh Q N; bị cáo H còn phải bồi thường tiếp cho chị A số tiền còn thiếu là 4.730.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*).

Chị V T A có quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q Y, tỉnh Q N để nhận số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) bị cáo H đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000792 ngày 18- 03- 2019, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q Y, tỉnh Q N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án; nếu chậm trả tiền thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 điều 357 - Bộ luật dân sự năm 2015).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm e khoản 2 Điều 23; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự phúc thẩm cho chị V T A.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh;
- CA, VKS, TAND, THA TX Quảng Yên
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Vương

